

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁC ÁI
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 5 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cadá Thị Linh

2. Bà Mẫu Thị Kim Khanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái tham gia phiên tòa: Ông Tạ Yên Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Pinăng C, sinh năm 1981 (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Kator Thị D, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Kator Thị D: Ông Lê Xuân Lượng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Pinăng C trình bày:

Anh và chị Kator Thị D sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B vào năm 2003, sau khi kết hôn, hai người về sống tại Thôn S, xã P, huyện B, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ tháng 7/2022 đến nay anh C đã bỏ về sống với cha mẹ và không còn quan tâm gì đến chị D, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, vì vậy anh C làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có ba người con chung là cháu Kator Minh N, sinh năm 2004; Cháu Kator H, sinh ngày 30/12/2007 và cháu Kator Thị H1, sinh ngày 01/3/2011. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đồng ý giao hai cháu Kator H và Kator Thị H1 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Kator Minh N đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được nên anh không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Mặc dù không có mặt tại phiên tòa, nhưng trong bản tự khai ngày 16/3/2023 chị Kator Thị D đã trình bày:

Chị và anh Pinăng C sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B vào năm 2003, sau khi kết hôn hai người về sống tại thôn S, xã P. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, nay tình cảm hai người không còn, hạnh phúc gia đình không có, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng và anh C làm đơn yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị và anh C có ba người con chung là cháu Kator Minh N, sinh năm 2004; Cháu Kator H, sinh ngày 30/12/2007 và cháu Kator Thị H1, sinh ngày 01/3/2011. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kator H và Kator Thị H1, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Kator Minh N đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được nên chị không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Kator Thị D, ông Lê Xuân Lượng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh C và chị D, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị D sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B vào năm 2003, sau khi kết hôn, hai người về sống tại Thôn S, xã P, huyện B, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ tháng 7/2022 đến nay anh C đã bỏ về sống với cha mẹ và không còn quan tâm gì đến chị D, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng và anh C có yêu cầu ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh C được ly hôn với chị D.

Về con chung: Giao cháu Cháu Kator H, sinh ngày 30/12/2007 và cháu Kator Thị H1, sinh ngày 01/3/2011 cho D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc anh Pinăng C phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị D theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đối với cháu Kator Minh N đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được, vì vậy anh C và chị D không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai người không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 26/3/2023, chị Kator Thị D đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Ái phát biểu quan điểm:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Pinăng C từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Kator Thị D và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị D, ông Lê Xuân Lượng – Trợ giúp viên pháp lý đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 26/3/2023 chị Kator Thị D đã làm đơn, đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D là có căn cứ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, chị Kator Thị D hiện đang cư trú tại Thôn S, xã P, huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Ái được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh Pinăng C cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Anh C và chị D sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B vào năm 2003, sau khi kết hôn, hai người về sống tại Thôn S, xã P, huyện B, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ tháng 7/2022 đến nay anh C đã bỏ về sống với cha mẹ và không còn quan tâm gì đến chị D, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng và anh C có yêu cầu ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện giải quyết cho anh C được ly hôn với chị D.

- Về con chung: Giao cháu Kator H, sinh ngày 30/12/2007 và cháu Kator Thị H1, sinh ngày 01/3/2011 cho chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc anh Pinăng C phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị D được quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với cháu Kator Minh N đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được nên anh C và chị D không có yêu cầu gì nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Anh Pinăng C là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã Phước Tiến huyện Bắc Ái là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Pinăng C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 23/02/2023 anh Pinăng C làm đơn đến Tòa án huyện Bác Ái yêu cầu giải quyết cho được ly hôn với chị Kator Thị D. Hiện nay chị D đang cư trú tại xã P, huyện B. Tòa án huyện Bác Ái áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Anh Pinăng C và chị Kator Thị D sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B vào năm 2003, sau khi kết hôn, hai người về sống tại thôn S, xã P. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, tình cảm giữa hai người không còn, hạnh phúc gia đình không có, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng và anh C có yêu cầu ly hôn căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh C được ly hôn với chị D.

2.2 Về con chung: Giao cháu Kator H, sinh ngày 30/12/2007 và cháu Kator Thị H1, sinh ngày 01/3/2011 cho chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh Pinăng C không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự tự nguyện nuôi con của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Đối với cháu Kator Minh N đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được nên anh C và chị D không có yêu cầu gì nên không đề cập đến.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xét đến.

[3] Về án phí: Anh Pinăng C là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã Phước Tiến huyện Bác Ái là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Pinăng C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Pinăng C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho anh Pinăng C được ly hôn với chị Kator Thị D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Cháu Kator H, sinh ngày 30/12/2007 và cháu Kator Thị H1, sinh ngày 01/3/2011 cho D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Pinăng C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Pinăng C.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/5/2023).

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thiện